

HUYỆN ỦY MỸ TÚ  
BAN TUYÊN GIÁO

\*

Số -CV/BTGHU

Gửi tài liệu tuyên truyền tháng 10/2024

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Mỹ Tú, ngày tháng 10 năm 2024

*Kính gửi:* - Chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy,  
- Các đồng chí Báo cáo viên cấp huyện,  
- Phòng Văn hóa - Thông tin huyện,  
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh huyện.

Nhằm phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền các ngày lễ, ngày kỷ niệm, sự kiện quan trọng trong tháng 10/2024; Ban Tuyên giáo Huyện ủy phát hành tài liệu thông tin tuyên truyền gửi các cơ quan, đơn vị (*Đính kèm tài liệu*).

**Đề nghị lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện một số nội dung như sau:**

1. Chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, đội ngũ Báo cáo viên cấp huyện tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung, ý nghĩa các ngày lễ, ngày kỷ niệm, sự kiện quan trọng trong tháng 10/2024 đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

2. Phòng Văn hoá - Thông tin huyện tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử huyện.

3. Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh huyện thường xuyên tuyên truyền trên sóng truyền thanh của huyện.

4. Thường trực Đảng uỷ các xã, thị trấn cung cấp tài liệu tuyên truyền và chỉ đạo các chi bộ trực thuộc, các chi, tổ hội, đoàn thể áp dụng thường xuyên tuyên truyền các nội dung trên tại các buổi sinh hoạt lệ, sinh hoạt chi, tổ hội để lan toả thông tin trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

Rất mong các đồng chí quan tâm thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Thái Dương Hồng Diễm**

# TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN THÁNG 10/2024

(Đính kèm Công văn số -CV/BTGHU, ngày /10/2024  
của Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Mỹ Tú)

-----

## I. KỶ NIỆM 94 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM (14/10/1930 -14/10/2024)

### 1. Sự ra đời nông hội đỏ, tiền thân của Hội Nông dân Việt Nam

Đầu năm 1920, sau khi dập tắt các cuộc khởi nghĩa của nông dân, ruộng đất nước ta chủ yếu tích tụ vào tay một số ít địa chủ Pháp, phong kiến, quan lại, địa chủ đã làm xã hội phân hóa mạnh mẽ. Giai cấp địa chủ chiếm 9% tổng số chủ ruộng nhưng lại sở hữu trên 50% diện tích đất canh tác. Tiểu nông chiếm trên 90% tổng số chủ ruộng nhưng lại chỉ có gần 40% diện tích trồng trọt. Ngoài ra, còn khoảng 2,2 triệu hộ trong tổng số 4 triệu hộ nông thôn lúc bấy giờ hoàn toàn không có đất. Họ bị bóc lột dã man bởi tô, tức, thuế...

Trong cuốn Đường Kách mệnh (1927), Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề nông dân Việt Nam muốn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột thì phải “tổ chức nhau lại”, vì vậy, Người đã dành riêng một chương phân tích về tình hình nông dân Việt Nam và tầm quan trọng của “Tổ chức dân cày”.

Ngày 01/11/1929, Báo “Dân cày” số đầu tiên của tỉnh Ninh Bình được phát hành, nội dung tờ báo tố cáo sự bóc lột dã man của thực dân, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh chống đế quốc cướp nước và đánh đổ tay sai.

Cuối thập kỷ 20 của thế kỷ XX, Nông hội đỏ đã xuất hiện ở một số địa phương. Tháng 11/1929, Ban Chấp hành Tổng Nông hội Nghệ An ra đời, do đồng chí Phan Thái Ất làm Bí thư. Dưới sự lãnh đạo của xứ ủy Trung Kỳ, ngày 10/12/1929 ở thành phố Vinh – Bến Thủy và một số vùng ở Nghệ An rải truyền đơn kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia các tổ chức quần chúng của Đảng cộng sản. Truyền đơn có phần kêu gọi Dân cày gia nhập Nông hội, theo Đảng Cộng sản đấu tranh đòi bỏ thuế người, thuế vườn, thuế chợ, thuế đò, bỏ lệ bắt phu... Tiếp theo nhiều tổ chức Nông hội đỏ được thành lập ở Thái Bình, Hà Nội, Hà Đông, Hải Phòng, Hải Dương và các tỉnh Trung Kỳ, Nam Kỳ...

Đầu năm 1930, Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc), trong Sách lược vắn tắt của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự thảo, được Hội nghị hợp nhất thông qua ngày 03/02/1930 đã nêu ra những vấn đề cơ bản đối với giai cấp nông dân: “Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày nghèo làm cách mạng thổ địa đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến”; đồng thời, Đảng nhấn mạnh "Nông dân là lực lượng to lớn của cách mạng". Vì vậy, phải tập hợp nông dân vào một tổ chức dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đấu tranh giành độc lập tự do và thực hiện cách mạng ruộng đất.

Cao trào cách mạng 1930 - 1931, dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương, các tổ chức Nông hội cấp cơ sở được hình thành ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, đặc biệt là ở Nghệ - Tĩnh. Nông dân cả nước đã vùng lên đấu tranh cùng với công nhân giành thắng lợi từng bước. Chỉ tính từ tháng 5/1930 – 10/1930 cả nước có 53.000 hội viên nông hội.

Trên cơ sở đó, Hội nghị lần thứ Nhất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp trong tháng 10/1930 tại Hương Cảng đã thông qua Luận cương chính trị. Tại Hội nghị, Ban

Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về thành lập Tổng Nông hội Đông Dương và thông qua Điều lệ Tổng Nông Hội Đông Dương gồm 8 điều trong đó nêu rõ mục đích "Thống nhất hết thảy Tổng Nông Hội Đông Dương để tranh đấu bênh vực quyền lợi hàng ngày của nông dân và để thực hiện cách mạng thổ địa". Điều lệ Tổng Nông hội Đông Dương quy định: "Hễ Nông hội nào thừa nhận mục đích, Điều lệ và chịu thi hành những án nghị quyết của Tổng Nông hội Đông Dương và nộp hội phí thì được nhận làm hội viên". Việc thành lập Tổng Nông hội Đông Dương (tên gọi đầu tiên của Hội Nông dân Việt Nam ngày nay) đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam, sự trưởng thành và lớn mạnh về của phong trào nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

## **2. Hội Nông dân Việt Nam qua các thời kỳ**

### ***2.1. Hội Nông dân Việt Nam và cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc (1930 – 1945)***

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ II tháng 3/1931 nhấn mạnh "cần phải đẩy mạnh việc tổ chức Nông Hội làng, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, trong điều kiện địch khủng bố trắng, nông dân cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết đấu tranh, giương cao khẩu hiệu: chống sưu thuế, địa tô, thất nghiệp, chống khủng bố trắng, chống chiến tranh". Thực hiện Nghị quyết TW II của Đảng, các tổ chức Nông hội được củng cố và trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh của nông dân. Dưới sự lãnh đạo của Nông hội, phong trào nông dân diễn ra mạnh mẽ trong những năm 1932 - 1935, 1936. Tháng 3/1937 Trung ương Đảng họp, đề ra đường lối chính trị và phương pháp tổ chức mới và tên của các tổ chức. Tổ chức Hội Nông dân phải đổi gọi tắt là Nông hội thay Nông hội đỏ. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng đã giúp cho Nông hội khắp nơi trong nước phát huy vai trò của mình trong việc tập hợp, lãnh đạo nông dân hợp lực với công nhân và nhân dân lao động đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Hình thức tổ chức của Nông hội rất đa dạng: hội cấy, hội gặt, hội hiếu hi, hội góp họ, phường đi săn, hội chèo, nhóm học quốc ngữ... đã thu hút đông đảo nông dân đấu tranh giành quyền lợi của giai cấp mình.

Trong năm 1941 - 1942, dưới sự lãnh đạo của nông hội, nông dân đã đấu tranh chống thu thóc, chống nhổ lúa trồng đay, nhổ ngô trồng thầu dầu... Từ năm 1943, với khẩu hiệu "Đoàn kết toàn dân đánh đuổi Nhật - Pháp". Nông hội đã đưa nông dân tham gia vào các phong trào sôi nổi với những hình thức như biểu tình chống Nhật, vũ trang đánh nhật... Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), phong trào "Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói" đã lôi cuốn hàng triệu nông dân vùng lên đấu tranh trực diện với kẻ thù.

Thành công vĩ đại của Cách mạng tháng Tám là một minh chứng cho tinh thần, khả năng và vai trò cách mạng to lớn của nông dân với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đồng thời, là một thắng lợi của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với giai cấp nông dân, thể hiện sự gắn bó sống còn giữa Đảng với nông dân, nông dân với Đảng.

### ***2.2. Giai cấp nông dân Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước (1945 - 1975)***

Ngày 06/8/1949, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 02 – NQ/TW về việc thành lập Ban Nông vận Trung ương, gồm 6 đồng chí; đồng chí Hồ Viết Thắng- Ủy viên Trung ương Đảng làm Trưởng ban.

Với nhiệm vụ của Ban Nông vận Trung ương là vận động nông dân: tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, nuôi dưỡng bộ đội, xây dựng hợp tác xã, hoàn thành giảm tô, thực hiện giảm tức, đào tạo cán bộ và thanh toán nạn mù chữ. Thực hiện chủ trương trên Ban Nông vận Trung ương đã tổ chức Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ nhất họp từ ngày 28/11 - 07/01/1949 tại thôn Phong Vân, xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Dự Hội nghị có đông đảo cán bộ đại diện cho tổ chức Hội Nông dân ba miền Bắc, Trung, Nam.

Ngày 16/4/1951 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về “Thành lập các ban và tiểu ban giúp việc”, trong đó có Tiểu ban Nông vận gồm có 8 đồng chí, đồng chí Hồ Viết Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng làm Trưởng ban.

Phong trào nông dân từ sau Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ nhất có bước phát triển mới, toàn diện và rất mạnh mẽ. Để tiếp tục đánh giá phong trào nông dân và tổ chức Hội. Ban Liên lạc nông dân toàn quốc quyết định triệu tập Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc lần thứ Hai, tháng 5/1951, tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Dự Hội nghị có hơn 100 đại biểu đại diện cho giai cấp nông dân cả nước. Đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới dự và phát biểu chỉ đạo. Hội nghị đã tập trung quán triệt những nhiệm vụ mới của Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào nông dân và xây dựng tổ chức Hội đáp ứng với những yêu cầu trước mắt. Với tinh thần "Tất cả cho tuyên truyền, tất cả để chiến thắng", nông dân cả nước hăng hái thanh gia "Phong trào thi đua ái quốc sản xuất lập công" do Đảng và Chính phủ phát động.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, giai cấp nông dân và Hội Nông dân đã đóng góp to lớn vào thắng lợi của các chiến dịch. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và thắng lợi của ta tại Hội nghị Giơ - ne - vơ năm 1954 về Đông Dương mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Hoà bình được lập lại ở Đông Dương, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*Ở Miền Bắc:* Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân cùng với giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân khác có nhiệm vụ thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng do Đảng đề ra: vừa làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa tiếp tục đấu tranh để hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

*Ở miền Nam:* Thực hiện chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng và Chính phủ, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng ở nông thôn miền Nam, Nông hội vừa tích cực tổ chức, vận động nông dân chuẩn bị đấu tranh lâu dài, vừa khẩn trương tranh thủ thời gian trước khi bàn giao các địa bàn cho đối phương để thực hiện chia cấp ruộng đất, củng cố sản xuất, ổn định đời sống.

Ngày 21/4/1961, Hội Nông dân giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức được thành lập và là thành viên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Sự ra đời của Hội là một mốc lịch sử đánh dấu sự phát triển của tổ chức nông dân, mà trên thực tế hàng ngàn cơ sở Nông hội cứu quốc ở các khu, tỉnh, huyện, xã đã được phục hồi trong thời gian Đồng khởi.

Tháng 01/1965 Đại hội lần thứ nhất của Hội Nông dân Giải phóng miền Nam được khai mạc. Qua Đại hội I Hội Nông dân Giải phóng miền Nam, phong trào của Hội tiếp tục được phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Lúc này bộ máy tổ chức của Hội Nông dân Giải phóng miền Nam đã hình thành theo 5 cấp: Miền, Khu, Tỉnh, Huyện và Xã. Xã là tổ chức cơ sở của Hội, xã có Ban Chấp hành, dưới xã có Ban cán sự thôn, ấp và tiểu tổ Hội. Bộ máy của Hội được củng cố từ Xã lên Huyện, Tỉnh và Khu.

Tháng 1/1969, Hội Nông dân giải phóng miền Nam Việt Nam đã tiến hành Đại hội lần thứ II, nhằm tổng kết phong trào đấu tranh của nông dân trong tám năm, đồng thời quán triệt yêu cầu và nhiệm vụ mới của nông dân trong đấu tranh chống kế hoạch "Bình định cấp tốc" của địch.

Thắng lợi của phong trào nông dân nổi dậy và cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 đã làm chuyển biến căn bản cục diện chiến tranh ở miền Nam và tiến tới "Tổng tấn công" mùa Xuân năm 1975 giành trọn vẹn thắng lợi, đất nước thống nhất, Nam - Bắc sum họp một nhà.

### ***2.3. Hội Nông dân Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc***

Phát huy vai trò của tổ chức Hội Nông dân trong sự nghiệp cách mạng và tiến tới Đại hội Đại biểu nông dân toàn quốc. Ngày 27/9/1979, Ban Bí thư TW Đảng ra Chỉ thị số 78/CT - TW về việc tổ chức Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam (thống nhất tên gọi chung của Hội trong toàn quốc), Chỉ thị khẳng định Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động trong cả nước, Hội có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết nông dân để giáo dục, vận động nông dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nông nghiệp nước ta chưa có những chuyển biến tích cực. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian qua không còn phù hợp. Những hạn chế của nó đã dẫn đến những biểu hiện suy thoái trong phát triển sản xuất, những dấu hiệu khủng hoảng, bất hợp lý bộc lộ ngày càng rõ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Ngày 27/9/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 116-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Quán triệt tinh thần đổi mới theo nội dung Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhằm đẩy mạnh hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, ngày 24/3/1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 05/CT-TW về Tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội.

Ngày 01/3/1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 42-QĐ/TW về việc đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành Hội Nông dân Việt Nam.

Tại phiên họp ngày 17/01/1991, Bộ Chính trị đã đồng ý lấy ngày 14 tháng 10 năm 1930 làm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam.

Tại Lễ Kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2010), giai cấp nông dân Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân Chương Sao Vàng (lần 2).

Kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam là dịp để cán bộ, hội viên nông dân cùng nhân dân cả nước ôn lại truyền thống cách mạng vẻ vang của tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam; cổ vũ, động viên cán bộ, hội viên, nông dân

ra sức thi đua, phát huy vai trò, trách nhiệm của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hòa bình, thịnh vượng.

## **II. KỶ NIỆM 94 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG (14/10/1930 - 14/10/2024)**

### **1. Sự ra đời của ngành Tổ chức xây dựng Đảng**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện chính trị vô cùng trọng đại của cách mạng Việt Nam. Ngày 14/10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khai mạc tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, trong đó có việc quyết định thành lập Bộ Tổ chức kiêm giao thông - tiền thân của Ban Tổ chức Trung ương Đảng ngày nay. Việc thành lập Bộ Tổ chức kiêm giao thông ngay sau khi thành lập Đảng khẳng định vai trò quan trọng của công tác tổ chức xây dựng Đảng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Từ đó đến nay, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ và đảng viên. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) đã đồng ý lấy ngày 14/10 hàng năm là Ngày truyền thống Ngành Tổ chức xây dựng Đảng và cơ quan tổ chức cấp ủy các cấp.

### **2. Những cột mốc lịch sử của Ngành Tổ chức xây dựng Đảng**

Quá trình hình thành và phát triển của Ngành Tổ chức xây dựng Đảng gắn liền với lịch sử ra đời và truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày từ khi mới thành lập (03/02/1930), Đảng ta đã quan tâm đến công tác tổ chức, cán bộ, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, quyết định sự vững mạnh của Đảng.

- *Giai đoạn 1930 – 1935*: Tích cực phát triển đảng viên mới và củng cố các tổ chức của Đảng. Tập trung bảo toàn lực lượng cách mạng, bảo vệ Đảng, khôi phục hệ thống tổ chức, tiếp tục phát triển đảng viên và các đoàn thể quần chúng.

- *Giai đoạn 1936 – 1939*: Tích cực phát triển đảng viên, đưa đảng viên vào xí nghiệp, hầm mỏ, về khu phố, làng mạc để vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh.

- *Giai đoạn 1940 – 1945*: Với phương châm: “Rộng rãi, thực tế, khoa học”. Công tác tổ chức được triển khai trên nhiều mặt, chú trọng tăng cường công tác phát triển đảng viên; kiện toàn bộ máy thống nhất của Đảng; đào tạo cán bộ; tổ chức cho nhiều cán bộ, đảng viên vượt ngục; phát triển và củng cố Mặt trận Việt Minh, xây dựng, củng cố và mở rộng các khu căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang. Sự nỗ lực trong công tác tổ chức đã góp phần làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 của dân tộc.

- *Giai đoạn 1945 – 1954*: Nhiệm vụ chính của công tác tổ chức lúc này là bảo vệ và phát triển Đảng; gấp rút đào tạo đội ngũ cán bộ của Đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang, thực hiện khẩu hiệu xây dựng Đảng ta thành “một Đảng quần chúng”. Giai đoạn 1947 – 1954, với Chỉ thị “Thi đua xây dựng Đảng” và “Xây dựng chi bộ tự động”, công tác phát triển đảng viên và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh; số lượng đảng viên và cán bộ tăng lên rất nhanh, bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng đối với các cấp, các ngành trong của nước.

- *Giai đoạn 1955 – 1975*: Công tác tổ chức tập trung vào việc tiếp quản thủ đô và các vùng mới giải phóng; kiện toàn tổ chức và lề lối làm việc của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể; sắp xếp lại bộ máy các cấp và điều chỉnh cán bộ;

tổ chức mạng lưới giao liên, bố trí lực lượng tập kết ra Bắc. Điều này góp phần cho thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- *Giai đoạn 1975 – 1986*: Giai đoạn xây dựng và củng cố hệ thống chính trị thống nhất cả nước, nhiệm vụ của công tác tổ chức xây dựng Đảng là tập trung xây dựng và củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp trong các vùng mới được giải phóng.

- *Giai đoạn 1986 đến nay*: Tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng chỉ rõ: “Xây dựng Đảng mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhân tố quyết định sự phát triển của cách mạng nước ta. Đảng phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác”.

Công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác tổ chức xây dựng Đảng nói riêng được sự quan tâm đặc biệt của Đảng; Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng: Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 6 (lần 2), Trung ương 7 (khóa VIII), Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI), đặc biệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6, Trung ương 7 (khóa XII) và Kết luận Hội nghị Trung ương (khóa XIII) về tổ chức, bộ máy, cán bộ là một chặng đường đổi mới cả về nội dung và cách thức thực hiện. Nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ, về tổ chức bộ máy được thể chế hóa, cụ thể hóa thành các quy định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện. Đây là những định hướng quan trọng đối với công tác tổ chức xây dựng Đảng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Kỷ niệm 94 năm Ngày truyền thống Ngành Tổ chức xây dựng Đảng (14/10/1930 - 14/10/2024) là dịp để chúng ta ôn lại lịch sử vẻ vang và những đóng góp quan trọng của Ngành Tổ chức xây dựng Đảng. Tự hào về truyền thống vẻ vang của Ngành Tổ chức xây dựng Đảng, là động lực để các thế hệ cán bộ, đảng viên trong cả nước ra sức phấn đấu rèn luyện, trưởng thành, đóng góp sức lực và trí tuệ trong xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày càng giàu đẹp, văn minh.

### **III. KỶ NIỆM 94 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG (15/10/1930 -15/10/2024)**

#### **1. Sự ra đời của Ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng**

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Hồng Kông (Trung Quốc) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản. Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt; Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam) đã xác định đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam, chỉ rõ nội dung, nhiệm vụ cách mạng và định hướng cho công tác vận động quần chúng nhằm vào mục tiêu chung của dân tộc.

Sau khi thành lập Đảng, từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, tại Hồng Kông, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất đã thông qua Luận cương chính trị, Điều lệ Đảng và các Án nghị quyết về công nhân vận động, nông dân vận động, công sản thanh niên vận động, phụ nữ vận động, quân đội vận động, vấn đề cứu tế và đồng minh phản đế. Nghị quyết Trung ương lần thứ nhất chỉ rõ: "Trong các Đảng bộ thượng cấp (từ thành và tỉnh ủy trở lên) phải tổ chức ra các Ban chuyên môn về các giới vận động".

Từ tháng 10/1930, hệ thống Ban chuyên môn về các giới vận động của Đảng bao gồm: Công vận, Nông vận, Thanh vận, Phụ vận, Quân đội vận, Mặt trận phản đế được ra đời làm nhiệm vụ tổ chức, tập hợp lực lượng, giáo dục, vận động quần chúng Nhân dân tham gia các phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước nhà giành được độc lập. Sự nghiệp cách mạng có những chuyển biến mới, đòi hỏi công tác vận động quần chúng của Đảng cần được tăng cường nhằm động viên tối đa sức người, sức của cho kháng chiến, kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài báo "Dân vận" đăng trên Báo Sự thật, số 120, ra ngày 15/10/1949 với bút danh X.Y.Z. Bài báo có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thể hiện xuyên suốt tư tưởng "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", là cẩm nang của công tác dân vận, chỉ dẫn đầy đủ, sâu sắc về mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp công tác dân vận đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức chính quyền và các tổ chức đoàn thể trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Tháng 10/1999, nhân kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm "Dân vận", theo đề nghị của Ban Dân vận Trung ương, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã đồng ý lấy ngày 15/10/1930 làm Ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng và quyết định chọn ngày 15/10 hằng năm là Ngày "Dân vận" của cả nước để đẩy mạnh việc học tập và thực hiện những lời dạy của Bác Hồ về công tác dân vận.

## **2. Chặng đường 94 năm công tác Dân vận của Đảng**

### ***2.1. Công tác dân vận trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)***

Ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị thành lập Hội Phản đế đồng minh, hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để thực hiện mục tiêu cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng đã tổ chức cho đảng viên đi vào các giai tầng xã hội, tuyên truyền, vận động, tổ chức và tập hợp, huấn luyện quần chúng đấu tranh chống áp bức, bất công, bóc lột, đòi hỏi dân sinh, dân chủ ở nhiều nơi.

Sau cao trào cách mạng 1930 - 1931, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ 1936 - 1939, phong trào Phản đế 1939 - 1941 và phong trào Mặt trận Việt Minh 1941 - 1945, với chủ trương mở rộng chính sách đại đoàn kết toàn dân và công tác mặt trận, Đảng đã tập hợp đông đảo các tầng lớp Nhân dân, bao gồm nhân sĩ, trí thức, tư sản dân tộc và cả ngoại kiều... các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp đã tạo nên bước phát triển mới trong xây dựng lực lượng chính trị quần chúng.

Trước những biến động lớn của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã phát động cao trào chống Nhật - Pháp. Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát-xít Pháp - Nhật với tên gọi Việt Nam Độc lập đồng minh - gọi tắt là Việt Minh đã ra đời ngày 19/5/1941. Với khí thế của cả dân tộc, thực hiện phương châm kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát triển từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa; dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự tham gia của các tầng lớp Nhân dân, Cách mạng Tháng Tám đã thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945.

### ***2.2. Công tác dân vận trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 1975)***



- Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), sau khi thành lập Nước, đối mặt với vô vàn khó khăn, thử thách của “thù trong, giặc ngoài”, Đảng đã xác định những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, từ đó đề ra chủ trương phải huy động được sức mạnh của toàn dân tộc, lãnh đạo toàn dân vừa kháng chiến ở miền Nam, vừa xây dựng thực lực mọi mặt cho Nhà nước Dân chủ Cộng hòa.

Phát động cuộc chiến tranh nhân dân, Trung ương Đảng chủ trương giáo dục, động viên và hướng dẫn toàn thể đồng bào đồng lòng, quyết tâm đánh thắng giặc, mỗi người dân đều trở thành một chiến sĩ. Vận động Nhân dân tham gia kháng chiến trên mọi mặt trận, vừa huy động, vừa bồi dưỡng sức dân, Đảng thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh, tiến hành giảm tô, giảm tức, giải quyết một phần quan trọng yêu cầu ruộng đất cho nông dân, nâng cao dân trí. Các hình thức và biện pháp đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng hơn với sự thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên - Việt) vào 29/5/1946, thu hút thêm các đảng phái yêu nước và đồng bào yêu nước không đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, sắc tộc, xu hướng chính trị. Đảng thực hiện chủ trương tăng cường đoàn kết dân tộc. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng thêm bền chặt khi thống nhất tổ chức Việt Minh, Liên Việt thành Mặt trận Liên - Việt (03/3/1951). Phong trào thi đua ái quốc là hình thức tập hợp toàn dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động, nhanh chóng được mọi tầng lớp Nhân dân hưởng ứng sâu rộng, tạo thành sức mạnh cho cuộc kháng chiến kiến quốc. Công tác dân vận đã vận động toàn quân, toàn dân quyết tâm chiến đấu, lao động, sản xuất, đồng thời, tăng cường công tác địch vận, làm tan rã hàng ngũ nguy quân, nguy quyền, chống địch lập tề; động viên thanh niên viết đơn xung phong ra chiến trường, hàng chục ngàn dân công đi tiền tuyến vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ các chiến dịch, cao điểm là thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ tạo nên sức mạnh, tiền đề vững chắc để kế thừa, phát huy trong các giai đoạn cách mạng tiếp theo.

- Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975): Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, bước vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhiều nhiệm vụ nặng nề; Miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

Ngày 10/9/1955, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời, tăng cường đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, động viên đồng bào, chiến sĩ nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và hết lòng đáp ứng các yêu cầu của cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam. Tại miền Nam, ngày 20/12/1960, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam họp tại vùng căn cứ Tây Ninh quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Nhờ chú trọng đổi mới nội dung và phương thức, công tác dân vận được triển khai sâu rộng trong các cấp, các ngành, các lĩnh vực, các tầng lớp Nhân dân trong nước và Nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại để đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; góp phần động viên đến mức cao nhất sức người, sức của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến lớn miền Nam và làm hậu thuẫn vững chắc cho quân và dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Với đại thắng Mùa Xuân năm

1975, nước ta đã bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **2.3. Công tác dân vận trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (từ 1975 đến nay)**

- Sau 30 năm chiến tranh, cả nước bước vào thời kỳ mới cùng thực hiện một chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với nhiều khó khăn, thách thức. Đảng đã vận động Nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng và kéo dài, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhằm đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất họp từ 31/01 - 04/02/1977 tại thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất các tổ chức Mặt trận ở hai miền Nam Bắc thành tổ chức Mặt trận thống nhất duy nhất, lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Bước vào thời kỳ đổi mới, nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiên hành sự nghiệp đổi mới toàn diện và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng tiếp tục đổi mới công tác dân vận. Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW, ngày 27/3/1990 về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân” với 4 quan điểm chỉ đạo: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của Nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân; các hình thức tập hợp Nhân dân phải đa dạng; công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Năm 1991, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội khẳng định: “Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân”.

- Thực hiện các Nghị quyết từ Đại hội VII đến Đại hội XII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành hệ thống văn bản liên quan đến công tác dân vận: Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”; các Nghị quyết số 23-NQ/TW, số 24-NQ/TW, số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc, công tác tôn giáo; Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”. Đặc biệt, trên cơ sở đánh giá tình hình, làm rõ các thách thức đối với công tác dân vận trong Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.

- Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) với tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 đã bổ sung nhiều nội dung mới về lãnh đạo đối với công tác dân vận. Văn kiện Đại hội xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ: ***Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng.***

Từ sau Đại hội XIII của Đảng đến nay, để tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Dân vận Trung ương đã tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành nhiều văn bản quan trọng về công tác dân vận, trọng tâm là: Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”; Kết luận số 54-KL/TW, ngày 09/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư ban hành hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương... Cùng với đó, nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, về phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng trong cả nước, về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... được ban hành đồng bộ, là nền tảng để công tác dân vận ngày càng phát huy vị trí, vai trò và tính nhân văn sâu sắc, phát huy vai trò chủ thể và sức mạnh của Nhân dân, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Trải qua 94 năm (15/10/1930 -15/10/2024) đồng hành cùng lịch sử cách mạng dân tộc, công tác dân vận luôn là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

#### **IV. KỶ NIỆM 68 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM (15/10/1956 – 15/10/2024)**

##### **1. Sự ra đời của Ngày thành lập Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam**

Tháng 6/1946, Tổng đoàn Thanh niên Việt Nam ra đời (gọi tắt là Đoàn Thanh niên Việt Nam), sau đổi thành Liên đoàn Thanh niên Việt Nam – một tổ chức rộng rãi của mọi thanh niên yêu nước tự nguyện đứng vào hàng ngũ của Liên đoàn do Đoàn Thanh niên Cứu quốc làm nòng cốt. Cuối năm 1946, Liên đoàn Thanh niên Việt Nam là thành viên chính thức của Liên đoàn Thanh niên dân chủ thế giới.

Tháng 02/1950, Liên đoàn Thanh niên Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ I tại xã Cao Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đại hội đã thông qua Nghị quyết và Điều lệ của Liên đoàn Thanh niên Việt Nam và bầu đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên BCH Trung ương Đảng làm Chủ tịch Liên đoàn Thanh niên Việt Nam.

Từ ngày 08/10 đến ngày 15/10 năm 1956, Trung ương Liên đoàn Thanh niên Việt Nam và Ban vận động Mặt trận Thanh niên toàn quốc triệu tập Đại hội tại Nhà hát lớn Hà Nội để thống nhất các tổ chức thanh niên Việt Nam và lấy tên là Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

##### **2. Chặng đường 68 năm của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (15/10/1956 – 15/10/2024)**

- Ngày 15/10/1956, Đại hội vinh dự được đón Bác Hồ kính yêu đến dự. Huân thị tại Đại hội, Bác căn dặn: “... Là người chủ tương lai, cho nên toàn thể thanh niên ta phải đoàn kết chặt chẽ, phấn đấu anh dũng, vượt mọi khó khăn, thi đua giúp sức vào sự nghiệp xây dựng nước nhà tốt đẹp – một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...”. Đại hội đã hiệp thương chọn cử Ban Chấp

hành Trung ương Hội gồm 52 thành viên do Bác sỹ - Anh hùng Lao động Phạm Ngọc Thạch làm Chủ tịch. Đồng thời khẳng định Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên đoàn thanh niên dân chủ thế giới.

- Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Tiếp sau đó, Hội LHTN giải phóng miền Nam được thành lập bao gồm Hội Liên hiệp Sinh viên giải phóng, Hội Học sinh giải phóng và các tổ chức thanh niên yêu nước khác do nhà văn, nhà báo Trần Bạch Đằng, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam làm Chủ tịch Hội.

- Tháng 12/1961, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ II được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội vinh dự được đón Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và các đồng chí đại diện Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đại diện Chính phủ, Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tới dự. Đại hội đã hiệp thương chọn cử Ủy ban Trung ương Hội gồm 78 thành viên do Giáo sư Phạm Huy Thông – Giám đốc trường Đại học Sư phạm Hà Nội làm Chủ tịch Hội.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, hơn một vạn tập thể thanh niên đã phấn đấu đạt nhiều thành tích to lớn trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; 80 vạn đoàn viên, hội viên, thanh niên miền Bắc tự nguyện đăng ký phấn đấu theo tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai”; 15 vạn thanh niên tình nguyện gia nhập các Đội Thanh niên Xung phong chống Mỹ, cứu nước. Hơn 3 triệu lượt thanh niên đăng ký tham gia phong trào “Ba sẵn sàng” và hơn 2 triệu lượt thanh niên đăng ký tham gia phong trào “Năm xung phong” cùng hàng triệu đoàn viên, thanh niên, hội viên tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang, nêu cao quyết tâm “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, xứng đáng với lời khen của Bác Hồ “Các cháu là thế hệ anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng”.

- Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn lần thứ 22 - Khóa III, tại thành phố Hồ Chí Minh, trong hai ngày 20 và 21/9/1976, đoàn đại biểu Hội LHTN Việt Nam và đoàn đại biểu Hội LHTN giải phóng miền Nam đã tổ chức Hội nghị thống nhất Mặt trận Thanh niên trong cả nước lấy tên chung là Hội LHTN Việt Nam. Đây là sự kiện chính trị trọng đại trong phong trào thanh niên nước ta. Hội nghị thông qua Điều lệ mới của Hội LHTN Việt Nam và hiệp thương chọn cử Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam gồm 96 thành viên do Giáo sư Lê Quang Vịnh làm Chủ tịch.

- Ngày 08/12/1994, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ III chính thức khai mạc tại Thủ đô Hà, Đại hội đã hiệp thương chọn cử anh Hồ Đức Việt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn làm Chủ tịch Hội. Đại hội đã quyết định lấy ngày 15/10/1956 là ngày truyền thống hàng năm của Hội LHTN Việt Nam và quyết định các nhiệm vụ chủ yếu của Hội từ năm 1994 đến năm 1999 với 5 chương trình là: “Lập thân, lập nghiệp, xây dựng đất nước phồn vinh”; “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng tài năng trẻ, phát triển văn hoá, thể dục thể thao”; “Bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh”; “Công tác xã hội, bảo vệ môi trường” và “Hợp tác hữu nghị với tuổi trẻ trong khu vực và trên thế giới”; 3 cuộc vận động là: “Tiết kiệm, tích lũy”, “Chống mù chữ, chống thất học” và “Hiến máu nhân đạo”.

- Từ ngày 13 - 15/01/2000, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ IV đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đã thông qua Điều lệ Hội sửa đổi và quyết định đề ra 5 cuộc vận động là: “Học tập, sáng tạo vượt bậc vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; “Giúp nhau lập nghiệp vì dân giàu, nước mạnh”; “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”; “Vì chủ quyền Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên” và “Xây dựng nếp sống văn minh đậm đà bản sắc dân tộc”. Đại hội hiệp thương chọn cử chị Trương Thị Mai, Bí thư Trung ương Đoàn, Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam khóa III giữ chức Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam khóa IV.

- Từ ngày 25 - 27/02/2005, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ V đã diễn ra trọng thể tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đã hiệp thương chọn cử anh Nông Quốc Tuấn, Bí thư Trung ương Đoàn giữ chức Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam. Đại hội Hội LHTN Việt Nam lần thứ V đã phát động thanh niên Việt Nam hưởng ứng và tham gia 5 cuộc vận động lớn trong nhiệm kỳ 2005 – 2010 là: “Thanh niên đi đầu trong xã hội học tập”; “Thanh niên làm kinh tế giỏi, tích cực tham gia xoá đói giảm nghèo”; “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”; “Thanh niên vì cuộc sống bình yên, vì chủ quyền Tổ quốc” và “Thanh niên sống đẹp”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ VI, được tổ chức trong 2 ngày 26 - 27/4/2010 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã phát động trong thanh niên cả nước 3 cuộc vận động: “Thanh niên sống đẹp – sống có ích”; “Thanh niên tình nguyện vì an sinh xã hội và bảo vệ môi trường” và “Thanh niên lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng”; 2 chương trình: “Khi Tổ quốc cần” và “Xây dựng, phát triển tổ chức Hội, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên”. Anh Nguyễn Phước Lộc, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Phó Chủ tịch Thường trực Trung ương Hội LHTN Việt Nam khóa V được hiệp thương chọn cử giữ chức Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam.

- Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2014 – 2019, diễn ra từ ngày 27 – 29/12/2014 tại Thủ đô Hà Nội, anh Nguyễn Phi Long, Bí thư BCH Trung ương Đoàn, Phó Chủ tịch Thường trực Trung ương Hội LHTN Việt Nam khóa VI được hiệp thương chọn cử giữ chức Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam.

- Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2019 – 2024, diễn ra từ ngày 10 – 12/12/2019 tại Thủ đô Hà Nội, anh Nguyễn Anh Tuấn, Bí thư Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được hiệp thương chọn cử giữ chức Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam.

Kỷ niệm 68 năm (15/10/1956 – 15/10/2024) Ngày truyền thống Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, mỗi thanh niên Việt Nam có quyền tự hào: Trong mỗi chặng đường của lịch sử dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đã có những đóng góp xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, thanh niên luôn là người đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo lý tưởng của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Phát huy những giá trị truyền thống vẻ vang của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, các thế hệ hội viên, thanh niên Việt Nam nguyện một lòng đi theo con đường mà Đảng, Bác

Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; cống hiến tất cả tài năng, sức lực và trí tuệ của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## **V. KỶ NIỆM 76 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG (16/10/1948 - 16/10/2024)**

### **1. Sự ra đời của Ngày truyền thống Ngành Kiểm tra Đảng**

Cuối năm 1948, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng và giữ gìn kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, ngày 16/10/1948, tại Chiến khu Việt Bắc, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Quyết nghị thành lập Ban Kiểm tra Trung ương, Ban Kiểm tra Trung ương đầu tiên gồm 3 đồng chí là: Trần Đăng Ninh, Nguyễn Thanh Bình, Hà Xuân Mỹ (tức Hà Minh Quốc), do đồng chí Trần Đăng Ninh làm Trưởng ban. Dưới Ban Kiểm tra Trung ương là các phái viên có nhiệm vụ “*đi xuống các khu xem xét chủ trương của Đảng có được thi hành và có sát, đúng không? đồng thời xem xét sự thi hành kỷ luật trong Đảng để tiếp thu kinh nghiệm giúp Trung ương bổ khuyết cho chính sách của Đảng*”. Sự ra đời của Ban Kiểm tra Trung ương - Cơ quan Kiểm tra chuyên trách đầu tiên của Đảng là một tất yếu khách quan, nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây cũng là căn cứ để Bộ Chính trị khoá VIII đồng ý lấy ngày 16/10/1948 là ngày truyền thống Ngành Kiểm tra của Đảng.

### **2. Chặng đường 76 năm Ngành Kiểm tra Đảng (16/10/1948 - 16/10/2024)**

Từ khi ra đời đến nay, cơ quan kiểm tra chuyên trách của Đảng đã nhiều lần được bổ sung, điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, phát triển về tổ chức và đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau.

- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương quyết nghị: “*Ban Kiểm tra Trung ương sẽ kiêm Ban Thanh tra của Chính phủ, có trách nhiệm kiểm tra cả trong quân đội*”, vì vậy, Ban Kiểm tra Trung ương Đảng và Ban Thanh tra Chính phủ hợp nhất làm một, đồng chí Hồ Tùng Mậu, Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương được cử kiêm chức Tổng Thanh tra Chính phủ. Ngày 25/4/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 263/SL cử Đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban kiểm tra Trung ương kiêm chức Tổng Thanh tra Chính phủ.

- Tháng 4 năm 1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 16/CTTW quy định: “*Về nội dung công tác Ban Kiểm tra của Đảng ở các cấp chỉ chuyên trách kiểm tra việc giữ gìn kỷ luật ở các cấp và xét đơn khiếu nại của các đảng viên về các vụ thi hành kỷ luật ở cấp dưới. Còn vấn đề kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, của Chính phủ do Ban thanh tra của chính quyền ở các cấp giúp cấp uỷ và Ủy ban hành chính tiến hành*”. Từ đó đến nay, ngành Kiểm tra của Đảng và Thanh tra của Nhà nước được tách riêng.

- Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Điều lệ Đảng quy định tăng thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên cho Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện uỷ, quận uỷ và tương đương trở lên; quy định cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp trên hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo UBKT cấp dưới thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra.

- Đến đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã được bổ sung nhiệm vụ “*Giám sát cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ và đạo đức, lối sống...*”. Riêng thẩm quyền

xem xét kỷ luật của Ủy ban Kiểm tra đã được quy định từ Điều lệ Đảng khóa III, theo đó, Ủy ban Kiểm tra từ cấp huyện ủy, quận ủy, thị ủy trở lên có quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên, kể cả cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý, nhưng không phải cấp ủy viên; quyền chuẩn y hoặc thay đổi hình thức kỷ luật trong việc giải quyết khiếu nại kỷ luật của đảng viên.

- Đại hội XIII đã đánh giá cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng nhờ có đổi mới, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng; những vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên được xử lý nghiêm minh, không có “ngoại lệ”, không có “vùng cấm”. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được tăng cường không chỉ có tác dụng giáo dục những cá nhân, tổ chức có vi phạm mà còn “có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên”.

Công tác kiểm tra, giám sát luôn được xác định “là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng; là bộ phận trực tiếp, thường xuyên của toàn Đảng”. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp đổi mới của đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đã và đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với sự hình thành, phát triển tư tưởng và những phẩm chất đạo đức truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam, từ đó cũng đặt ra những thuận lợi và thử thách đối với toàn Đảng, toàn Dân và toàn quân ta trong lĩnh vực tư tưởng đạo đức. Đặc biệt, trong lúc Đảng ta đã và đang thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII, và Kết luận Hội nghị Trung ương 4, khóa XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; gắn với Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị (khóa XII) “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “*Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, kết hợp với phát huy vai trò giám sát của báo chí và nhân dân đối với việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng*”. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quy định số 22-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, trong đó, bổ sung, sửa đổi nhiều nội dung quan trọng, bổ sung thẩm quyền thi hành kỷ luật cho ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở và thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng cho ủy ban kiểm tra các cấp. Ngày 18/4/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận về chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.

Trải qua 76 năm, ngành Kiểm tra của Đảng không ngừng phát triển và trưởng thành, lớn mạnh cả về lực lượng, cơ cấu tổ chức bộ máy. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự quan tâm của cấp ủy các cấp, ngành Kiểm tra Đảng luôn phát huy truyền thống, tuyệt đối trung thành, đoàn kết, trung thực, kỷ cương và tận tụy, không ngừng đổi mới tư duy, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong công cuộc chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, vì sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

## **VI. KỶ NIỆM 94 NĂM NGÀY TRUYỀN THÔNG VĂN PHÒNG CẤP ỦY (18/10/1930 – 18/10/2024)**

Lịch sử ra đời và phát triển của Văn phòng cấp ủy gắn liền với sự phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hương Cảng - Trung Quốc đã thông qua Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, ban hành các nghị quyết về nhiệm vụ và quyết định thành lập các bộ phận chuyên môn tham mưu, giúp việc của Đảng trong đó có bộ phận Văn phòng Trung ương Đảng. Suốt nửa tháng diễn ra hội nghị, mọi công việc đều được bộ phận giúp việc chuẩn bị chu đáo, được bảo vệ an toàn và bảo mật. Hội nghị đã thành công tốt đẹp về mọi mặt, hoàn thành nhiều nội dung quan trọng, đặt nền móng cho hoạt động của Đảng những năm tiếp theo. Đây chính là những dấu mốc, trang sử đầu tiên viết về hoạt động Văn phòng của Trung ương Đảng.

Tháng 5/1947, tại căn cứ địa Việt Bắc (xã Quảng Nạp, nay là xã Bình Thành, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), Ban Thường vụ Trung ương đã quyết định thành lập Văn phòng Thường vụ Trung ương Đảng (nay là Văn phòng Trung ương Đảng). Đây là bước chuyển đặc biệt quan trọng trong lịch sử phát triển của Văn phòng Trung ương Đảng và văn phòng cấp ủy cả nước. Tháng 6/1949, tại căn cứ địa Việt Bắc, Trung ương đã triệu tập Hội nghị Văn phòng toàn quốc và thông qua Nghị quyết quan trọng, xác định những vấn đề cơ bản của công tác văn phòng cấp ủy, như: nguyên tắc và hình thức tổ chức, lề lối làm việc, quan hệ công tác; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, cán bộ của Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng cấp ủy các cấp. Hội nghị này thể hiện vị trí, vai trò quan trọng, sự quan tâm đặc biệt của Trung ương đối với công tác Văn phòng cấp ủy; đặt nền móng căn bản cho hoạt động của Văn phòng cấp ủy các cấp.

Tết Nguyên đán năm 1950, khi đến thăm Văn phòng Trung ương Đảng tại chiến khu Việt Bắc, Bác Hồ đã nói: *“Công tác văn phòng có tầm quan trọng đặc biệt, giúp cho cán bộ lãnh đạo nắm được tình hình, cán bộ văn phòng nắm được tình hình sai thì lãnh đạo sẽ giải quyết công việc không đúng”*. Câu nói của Bác vừa là lời căn dặn, vừa là phương châm công tác đối với cán bộ văn phòng nói chung, cán bộ Văn phòng cấp ủy nói riêng.

Ngày 29/01/2002, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra thông báo quyết định lấy ngày 18/10/1930 là ngày truyền thống của Văn phòng Trung ương Đảng, đồng thời là Ngày truyền thống của Văn phòng cấp ủy Đảng. Đây là dấu mốc hết sức quan trọng, đánh dấu sự ra đời, ghi nhận những đóng góp to lớn, truyền thống vẻ vang của hệ thống Văn phòng cấp ủy đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kỷ niệm 94 năm Ngày truyền thống Văn phòng cấp ủy là dịp để mỗi cán bộ, công chức, người lao động đang công tác trong cơ quan Văn phòng cấp ủy tự hào và tiếp tục phát huy truyền thống lịch sử quý báu trong thời gian qua, củng cố và tăng cường niềm tin vào mục tiêu lý tưởng, nền tảng tư tưởng của Đảng, ra sức phấn đấu, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trau dồi phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị, nỗ lực phấn đấu, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Từ đó, tiếp tục thực hiện tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác, phát huy cao độ tinh thần,



trách nhiệm, ra sức thi đua, phấn đấu cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

## **VII. KỶ NIỆM 94 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM (20/10/1930 - 20/10/2024)**

### **1. Sự ra đời của Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

Dưới chế độ phong kiến và đế quốc, phụ nữ là những người bị áp bức, bóc lột, chịu nhiều bất công nên luôn mong muốn được giải phóng và sẵn sàng đi theo cách mạng. Ngay từ những ngày đầu Pháp xâm lược Việt Nam, phụ nữ đã tham gia đông đảo vào phong trào Cần Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du.

Tiêu biểu trong giai đoạn này, cả nước có 5 nhóm phụ nữ yêu nước được tổ chức với nhiều hình thức hoạt động phong phú. Năm 1927, nhóm ba chị em Nguyễn Thị Lưu, Nguyễn Thị Minh Lăng, Nguyễn Thị Thủy ở làng Phật Tích (Bắc Ninh) tham gia thanh niên Cách mạng đồng chí hội đã tuyên truyền, xây dựng tổ học nghề đặng ten gồm 30 chị vừa học nghề vừa học chữ. Nhóm chị Thái Thị Bôi có các chị Lê Trung Lương, Huỳnh Thị Thuyên, Nguyễn Thị Quang Thái ở Huế tham gia Sinh hội đỏ ở trường Nữ học Đồng Khánh. Ở Triệu Phong (Quảng Trị) có nhóm các chị Hoàng Thị Ái, Lê Thị Quê tổ chức cửa hàng Hưng Nghiệp Hội Xã để làm tài chính cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ở Mỹ Tho, tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lập ra Gánh hát Đồng nữ do cô giáo Trần Ngọc Viện (Ba Viện) phụ trách đã tập hợp 30 thiếu nữ là con em các gia đình yêu nước đi diễn lưu động những vở tuồng có nội dung tiến bộ qua nhiều tỉnh để vừa tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho quần chúng, vừa gây dựng tài chính cho Hội. Nhiều phụ nữ trong gánh hát sau này trở thành đảng viên, cán bộ cách mạng.

Năm 1928, do ảnh hưởng của phong trào Duy Tân và tiếp thu tư tưởng tiến bộ qua sách báo, xuất hiện nhiều phong trào đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ. Ở Đà Nẵng, nhiều chị em tham gia tổ chức “Đà thành Nữ công học Hội”. Ở Nghệ An tổ chức “Phụ nữ đoàn” ngày càng phát triển. Riêng năm 1928 phát triển thêm được 50 người, chị Nguyễn Thị Minh Khai được cử làm Bí thư “Phụ nữ đoàn” và làm giao thông bí mật của liên tỉnh. Năm 1929, nhóm chị Nguyễn Thị Minh Khai cùng Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Thị An liên hệ với chị Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Thiu, Nguyễn Thị Nhuận thành lập tổ Phụ nữ giải phóng ở Vinh... Các tổ nhóm này vừa tham gia sinh hoạt vừa âm thầm tuyên truyền hoạt động cách mạng.

Năm 1930, Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản từ ngày 6/1/1930 - 8/2/1930, bên cạnh Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình điều lệ tóm tắt của Đảng, Hội nghị còn quyết định thành lập các tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo, trong đó có Hội phụ nữ Giải phóng.

Sau khi thành lập Đảng, từ ngày 14-31/10/1930, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất, bên cạnh việc thảo luận Luận Cương chính trị của Đảng, Hội nghị đã thông qua Nghị quyết về Phụ nữ vận động, trong đó đề ra nhiệm vụ phải tổ chức ra các đoàn thể phụ nữ như “*phụ nữ hiệp hội*”. Đồng thời Trung ương Đảng đã đề ra *Điều lệ Phụ nữ Liên hiệp Hội*. Với tính chất quan trọng như vậy, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất tháng 10/1930 đã đánh dấu quá trình hình thành tổ chức Hội đầu tiên của phong trào phụ nữ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

### **2. Những chặng đường vẻ vang của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

- *Giai đoạn 1930 - 1936*: Hoạt động của phong trào phụ nữ thời kỳ này có nhiều phương thức tổ chức thích hợp với chủ trương hoạt động bí mật của Đảng như Hội cây, Hội gặt, Hội tương tế... Hình thức hoạt động này đã tập hợp được số đông phụ nữ tham gia và góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức đối với phụ nữ. Tổ chức “Phụ nữ Giải phóng” được hình thành năm 1930 - 1931 đã thu hút đông đảo phụ nữ tham gia vào cao trào đấu tranh cách mạng (điển hình là Xô viết Nghệ Tĩnh). Tổ chức đã tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, đòi cải thiện đời sống, chống áp bức của đế quốc phong kiến.

- *Giai đoạn 1936 - 1939*: trước yêu cầu của cách mạng, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 8/1937 về công tác vận động phụ nữ đặt ra nhiệm vụ chống phát xít, chống chiến tranh bằng hình thức công khai, hợp pháp. Vì vậy, tổ chức cách mạng của phụ nữ được đổi thành Hội phụ nữ Dân chủ. Hội đã tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng về giải phóng phụ nữ, nam nữ bình đẳng và tổ chức các hoạt động gắn với tính chất ngành nghề của phụ nữ để đấu tranh đòi tự do dân chủ, đòi quyền lợi cho phụ nữ như: hội Ái hữu, hội Truyền bá quốc ngữ.

- *Giai đoạn 1939 - 1941*: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng chủ trương: “Vận động phụ nữ tổ chức các hội phụ nữ phản chiến, các hội cứu tế, bảo an... để giúp đỡ nhau, chống đế quốc chiến tranh, đòi hoà bình”. Để phù hợp với tình hình, Hội lấy tên là Hội phụ nữ Phản đế. Hội đã vận động chị em tham gia mít tinh, biểu tình, lập các hội cứu tế, bảo an, tham gia chống bắt lính với khẩu hiệu chống đế quốc chiến tranh, đòi hoà bình, đòi bồi thường chiến tranh. Phụ nữ thoát ly gia đình, tham gia hoạt động cách mạng ngày càng đông đảo, góp phần xây dựng lực lượng chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, các tầng lớp phụ nữ được tập hợp trong tổ chức “Hội phụ nữ phản đế”, thành viên của Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (năm 1939), và “Đoàn phụ nữ cứu quốc”, thành viên của Mặt trận Việt Minh (năm 1941) để tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, tập hợp và xây dựng lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

*Giai đoạn 1941 - 1945*: Đoàn Phụ nữ Cứu quốc được thành lập ngày 16/6/1941. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn Phụ nữ cứu quốc đã vận động các tầng lớp phụ nữ gia nhập Mặt trận Việt Minh, gia nhập các đoàn thể cứu quốc đánh Pháp, đuổi Nhật, xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Phụ nữ là lực lượng hùng hậu, đóng góp lớn vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Để gấp rút chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền, phụ nữ đã tích cực tham gia các phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật, phá kho thóc giải quyết nạn đói... Hội phụ nữ vận động các hội viên bí mật xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Nhờ vậy, phong trào phụ nữ ngày càng lớn mạnh, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

*Giai đoạn 1946 - 1954: kháng chiến chống thực dân Pháp*

Ngày 3/10/1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã ký Nghị định cho phép thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Hội chính thức được thành lập gồm nhiều đoàn thể phụ nữ trong đó Đoàn Phụ nữ Cứu quốc là tổ chức nòng cốt, hoạt động trong khuôn khổ là một tổ chức thành viên của Hội LHPN Việt Nam. Ngày 20/10/1946, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam làm lễ ra mắt tại Quảng trường

Nhà hát Lớn, Hà Nội. Đồng chí Lê Thị Xuyên được cử làm Hội trưởng lâm thời Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Tên gọi Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được duy trì cho đến ngày nay. Từ ngày 18 - 29/4/1950: Đại hội Đại biểu Phụ nữ Toàn quốc lần thứ nhất được diễn ra tại *Đại Từ, Thái Nguyên (Chiến khu Việt Bắc)*. Đoàn Phụ nữ Cứu quốc hợp nhất với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành một tổ chức Hội thống nhất lấy tên là Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam. Đồng chí Lê Thị Xuyên được bầu làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Giai đoạn này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội LHPN Việt Nam đã vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia thực hiện nhiều phong trào như: phụ nữ học cày bừa; phụ nữ tăng gia sản xuất đảm bảo cho bộ đội “*ăn no đánh thắng*”; mua công phiếu kháng chiến; “*Diệt giặc đói*”; “*diệt giặc đói*”: “*Đời sống mới*”; tham gia Hội mẹ chiến sĩ... Trong chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, phụ nữ các dân tộc Tày, Thái, Mèo, Dao, Nùng, Hoa, Puộc, Xá... đã tham gia đông đảo. Chị em đã ngày đêm vượt suối, băng ngàn, làm mọi công việc vận chuyển, tiếp tế lương thực, đạn dược, tải thương, thổi cơm, đưa nước cho bộ đội, làm hầm, chữa cầu đường... Có thể nói, Hội LHPN Việt Nam đã bằng mọi nỗ lực vận động chị em phụ nữ tham gia vào tất cả các lĩnh vực hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

*Giai đoạn 1954 - 1975: kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở miền Nam và xây dựng CNXH ở miền Bắc*

Tháng 3/1961, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ III họp tại Hà Nội đã phát động phong trào thi đua “*5 tốt*” với các nội dung: Đoàn kết sản xuất, tiết kiệm tốt, chấp hành chính sách tốt, tham gia quản lý tốt, học tập chính trị, văn hoá, kỹ thuật tốt, xây dựng gia đình nuôi dạy con tốt. Ngày 5/8/1964, Đế quốc Mỹ dựng lên cái gọi là “*sự kiện Vịnh Bắc Bộ*”, lấy cớ dùng không quân bắn phá miền Bắc. Trước tình hình đó, tháng 3/1965, Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động phong trào “*Ba đảm đang*” với các nội dung: đảm đang sản xuất và công tác, đảm đang gia đình, đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Phong trào Ba đảm đang là bước phát triển mới của phong trào 5 tốt, trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975, là một trong những phong trào thi đua có quy mô lớn nhất trong lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại, trở thành hoạt động nổi bật, tiêu biểu trong lịch sử tổ chức và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam và là bộ phận khăng khít của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại hội lần thứ nhất Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam (3/1965), Hội đã phát động phong trào thi đua “*5 tốt*” với nội dung: Đoàn kết đấu tranh chính trị, võ trang, binh vận tốt; Lao động sản xuất, tiết kiệm tốt; Chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh tốt; Học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn tốt; Rèn luyện tư cách đạo đức tốt. Với phong trào “*5 tốt*”, hàng triệu hội viên phụ nữ giải phóng được tôi luyện trong phong trào đấu tranh với 3 mũi giáp công linh hoạt, được tổ chức chặt chẽ ở ba vùng chiến lược (nông thôn, đô thị, miền núi). Trên khắp miền Nam, phụ nữ giải phóng luôn là lực lượng nòng cốt đi đầu trong phong trào đấu tranh chính trị trực diện, hình thành nên một “*Đội quân tóc dài*” hùng hậu, nổi tiếng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Phát biểu tại lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (19/10/1966), Hồ Chủ tịch đánh giá: “*Phong trào 5 tốt của phụ nữ miền Nam, phong*

trào Ba đảm đang của phụ nữ miền Bắc là phong trào yêu nước nồng nàn và rộng khắp, lôi cuốn đông đảo phụ nữ hai miền thi đua sản xuất, phục vụ chiến đấu, góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của toàn dân”.

Sau chiến thắng mùa xuân năm 1975, thực hiện Nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thống nhất các đoàn thể nhân dân, từ ngày 10-12/6/1976, Hội nghị Thống nhất Hội LHPN toàn quốc được tổ chức. Hội nghị đã nhất trí quyết nghị: Thống nhất sự chỉ đạo hoạt động của Hội LHPN trong cả nước trong một tổ chức là Hội LHPN Việt Nam. Hội nghị cũng quyết định lấy ngày 20/10/1930 là ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam. Đến năm 2010, tại thông báo số 382-TB/TW ngày 15/10/2010 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Bí thư đồng ý lấy ngày 20/10 hàng năm là ngày Phụ nữ Việt Nam.

*Phong trào phụ nữ và hoạt động Hội từ năm 1976 đến nay*

- Năm 1978: Phong trào “*Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”.

- Năm 1989: Hội LHPN Việt Nam phát động hai cuộc vận động “*Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình*” và “*Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học*”.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VII (1992): Tiếp tục thực hiện hai cuộc vận động “*Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình*”, “*Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học*”.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII (19/5/1997): phát triển hai phong trào thi đua từ Đại hội VII thành phong trào “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc*” và “*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước*”; Phong trào “*Ngày tiết kiệm vì Phụ nữ nghèo*”; Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục phát động phong trào “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*” thực hiện trong nữ công nhân viên chức và người lao động;

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX (2002): tiếp tục phát động phong trào thi đua: “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*”.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ X (01/10/2007): tiếp tục phát động phong trào thi đua: “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*” gắn với thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ xây dựng Mái ấm tình thương cho phụ nữ nghèo. Năm 2010, gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, hưởng ứng chương trình xây dựng nông thôn mới, Hội phát động cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch*”.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (2012) phát động phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*”; đồng thời triển khai sâu rộng 2 cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và “*Rèn luyện các phẩm chất đạo đức: Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XII (2017): Phong trào thi đua: “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*” và hai cuộc vận động: “*Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*” gắn

với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (2022): phát động phong trào thi đua “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”; Hai khâu đột phá: Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin và tập trung xây dựng cơ sở Hội vững mạnh.

Có thể nói, trải qua lịch sử 94 năm trưởng thành và phát triển, dưới sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Hội LHPN Việt Nam đã và đang ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước và sự nghiệp giải phóng phụ nữ, sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Ngày 20/10 được chọn là Ngày Phụ nữ Việt Nam cho thấy sự coi trọng của Đảng và toàn xã hội với vai trò, đóng góp quan trọng của người phụ nữ Việt Nam, là dấu mốc quan trọng để xác nhận quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc bỏ phiếu và tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, là ngày đất nước, xã hội ghi nhận và vinh danh những đóng góp to lớn của phụ nữ Việt Nam./.